

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày: 23- 10-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Như Khôi.

Ông Nguyễn Xuân Huế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2019/TLST-HS, Ngày 12 tháng 8 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS Ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với:

- Bị cáo:

1. Trần Văn C, sinh Ngày 04/8/1997, tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Trần Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ Ngày 16/01/2019 đến nay. Có mặt.

2. Phạm Đình S, sinh Ngày 26/02/1996, tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị Ng; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ Ngày 16/01/2019 đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Đình H, sinh Ngày 26/02/1997, tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ

học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C và bà Hoàng Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại*: Cháu Lê Đình L, sinh năm 2005; cư trú tại: Xóm N, xã V, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Lê Thị L: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lê Đình L*: Ông Phạm Thế Kỷ - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969; nơi cư trú: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Đình Ng, sinh năm 1977; cư trú tại: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2018, Trần Văn C lập tài khoản facebook “Nguyễn Thị Mỹ L” để rao bán tiền giả lấy tiền thật, rồi hẹn gặp người mua tiền giả tại một địa điểm vắng và chiếm đoạt tài sản. Vào Ngđ 11/12/2018, Lê Đình L, sinh năm 2005, trú tại xóm N, xã V, huyện N, tỉnh Nghệ An sử dụng facebook “L L” của mình để liên lạc với facebook “Nguyễn Thị Mỹ L” của Trần Văn C để hỏi mua tiền giả thì đợc C đồng ý bán 2.000.000 đồng tiền giả với giá 200.000 đồng và hẹn gặp tại cổng trường THPT N 1 thuộc khối Y, thị trấn N, huyện N. Sau đó Trần Văn C gọi điện thoại cho Phạm Đình S và rủ S “*Tối đi lấy tiền*”, hiểu ý của C là đi cướp tài sản nên Phạm Đình S đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng Ngđ, Phạm Đình S gọi điện cho Nguyễn Đình H và rủ H đi cùng C và S để cướp tài sản thì H đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen xám, BKS 37M1-806.05 đón H rồi cùng C đi cướp tài sản. Khi đi đến cổng chào văn H xóm 4, xã N, huyện N thì thấy một thanh tuýp bằng sắt dài khoảng 40cm nên Trần Văn C nói S dừng xe lại và C xuống lấy thanh tuýp sắt trên mang theo và tiếp tục lên xe cùng S và H. Trên đường đi, khi đi đến khu vực gần cổng trường dân lập Sào Nam, thuộc xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An, C nói S dừng xe rồi nói H lên điều khiển xe máy chở S và C đi đến khu vực trường THPT N 1.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng Ngđ, khi H chở C và S đến cổng trường THPT N 1 thuộc khối Y, thị trấn N, huyện N thì thấy Lê Đình L đang đứng một

bên xe đạp điện nên H điều khiển xe lại gần rồi dừng lại, lúc này C và S xuống xe còn H ngồi lại trên xe. Sau khi xuống xe C và S tiến lại gần Lê Đình L và hỏi L “*Tiền để ở mô*” thì L trả lời “*Cho em xem hàng cái đã*”. Lúc này Phạm Đình S dùng tay nắm một phát vào mặt của L, còn Trần Văn C sử dụng thanh tuýp sắt đánh vào người của L, do sợ quá nên Lê Đình L nói “*Tiền để ở trong cốp xe*”. Sau đó C và S kéo L lại chỗ xe đạp điện và bắt L mở cốp xe đạp điện ra. Sau khi mở cốp xe đạp điện thì C và S lấy 01 chiếc ví da màu vàng bên trong có 300.000 đồng và 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng của Lê Đình L và đi lại chỗ Nguyễn Đình H đang chờ. Sau đó H điều khiển xe chở C và S đi về hướng xã N, trên đường đi về C đã vứt thanh tuýp sắt tại cánh đồng thuộc xã X, huyện N. Khi C, S và H đi về đến khu vực xã N thì vào một quán ăn, lúc này Nguyễn Đình H gọi cho Phạm Đình Ng (sinh năm 1997 trú tại xóm 5, xã N, huyện N) đến cùng ăn nhậu. Tại đây, Trần Văn C giữ lại chiếc ví da cùng số tiền cướp được để trả tiền ăn, đưa cho Phạm Đình S giữ hai chiếc điện thoại cướp được của Lê Đình L. Đến khoảng 19 giờ Ng 12/12/2018, Trần Văn C và Phạm Đình S cùng nhau đi bán chiếc điện thoại di động OPPO là tài sản chiếm đoạt của Lê Đình L với giá 550.000 đồng, sau đó Trần Văn C và Phạm Đình S đã tiêu xài hết vào việc cá nhân, chiếc điện thoại di động Samsung còn lại thì S đưa về nhà cất giữ.

Ng 11/12/2018, Lê Đình L đã đến Cơ quan Công an huyện N trình báo về việc bị cướp tài sản.

Ng 16/01/2019, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật Trần Văn C và Phạm Đình S đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N xin đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Ng 22/01/2019, Nguyễn Đình H đến Cơ quan CĐT Công an huyện N để làm việc và khai nhận hành vi của mình.

Tại bản Kết luận định giá số 68 Ng 01/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện N đã Kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng, trị giá: 4.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu trắng đã qua sử dụng, trị giá: 1.450.000 đồng; 01 chiếc ví da màu vàng, đã qua sử dụng, trị giá: 50.000 đồng. Tổng trị giá tài sản định giá là: 6.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tài sản mà Trần Văn C, Phạm Đình S và Nguyễn Đình H đã chiếm đoạt của Lê Đình L vào Ng 11/12/2018 là 6.300.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS-HS Ng 12/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Trần Văn C, Phạm Đình S và Nguyễn Đình H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và đề

ngị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Phạm Đình S và Nguyễn Đình H phạm tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn C: Từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Xử phạt bị cáo Phạm Đình S: Từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Căn cứ vào điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi tH dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy, màu trắng, màn hình bị vỡ là tài sản của Lê Đình L. Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 Giấy Chứng minh nhân dân số 187.582.519 mang tên Phạm Đình S, do Công an Nghệ An cấp Ngý 13/6/2013; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 027455, Biển số xe 37M1-806.05 do Công an huyện N cấp Ngý 08/10/2018, tên chủ xe là Phạm Đình S. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã trả lại cho Phạm Đình S theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen của Trần Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu ghi của Phạm Đình S. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 xe máy Yamaha Sirius, màu đen xám, BKS 37M1-806.05, số khung 3240JY190068, số máy E3X9E512218, tên chủ xe Phạm Đình S; Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, chứng minh được đây là tài sản thuộc sở hữu của gia đình bị cáo, mà đại diện là bà Nguyễn Thị Ng (mẹ bị cáo). Khi bị cáo S sử dụng để đi cướp tài sản thì bà Ng không biết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy trên cho bà Nguyễn Thị Ng.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Đình H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Phạm Đình S thuộc hộ C nghèo, vì vậy đề nghị miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, các đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì.

Bị hại, người đại diện hợp pháp cho Bị hại; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu gì về bồi th dân sự và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa Bị hại, Người đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị hại, Người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[3]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 19 giờ 30 phút, Ngđ 11/12/2018, sau khi cùng nhau thống nhất đi cướp tài sản, Nguyễn Đình H sử dụng chiếc xe máy Yamaha Sirius, BKS 37M1-806.05 chở Trần Văn C và Phạm Đình S đến khu vực Cổng trường THPT N 1, thuộc Khối Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Tại đây Trần Văn C dùng thanh tuýp sắt đánh vào người Lê Đình L, Phạm Đình S dùng tay nắm vào mặt Lê Đình L rồi lấy 01 chiếc ví da bên trong có chứa 300.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng của Lê Đình L. Tổng trị giá tài sản Trần Văn C, Phạm Đình S và Nguyễn Đình H chiếm đoạt của anh Lê Đình L là 6.300.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*).

Với hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" được quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở

hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật hình sự để nhận thức được dùng hung khí nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có một mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm, do đó phải xem xét tính chất của đồng phạm, tình chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.

Bị cáo Trần Văn C là người khởi xướng, rủ rê; Bị cáo cùng với Phạm Đình S tích cực tham gia trong việc thực hiện hành vi phạm tội, Trần Văn C là người trực tiếp sử dụng thanh tuýp sắt đánh vào người của L, còn Phạm Đình S là người dùng tay đâm vào mặt cháu L; trực tiếp chiếm đoạt các tài sản của cháu L; cùng nhau tiêu thụ và giữ các tài sản đã chiếm đoạt được. Do đó, Trần Văn C, Phạm Đình S phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo cùng với gia đình đã tự nguyện bồi tH thiệt hại; Người đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Trần Văn C có ông nội là Trần Văn S được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bà nội là Nguyễn Thị Sỷ được Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen; bị cáo Phạm Đình S có ông nội là Phạm Thanh Tài được Nhà nước tặng “Huân chương kháng chiến hạng nhì”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đình H tham gia với vai trò thứ yếu, chỉ tham gia với vai trò giúp sức là chở bị cáo C và S; bị cáo không trực tiếp tham gia đánh và chiếm đoạt tài sản của cháu L. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng với gia đình tự nguyện bồi tH thiệt hại; đại diện hợp pháp cho bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có công trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm được Công an huyện N xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy, không cần

bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, có căn cứ cần chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo lao động tự do, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu về bồi tH dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Các tài sản, giấy tờ đã trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen của Trần Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu ghi của Phạm Đình S. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 chiếc xe máy Yamaha Sirius, màu đen xám, BKS 37M1-806.05, số khung 3240JY190068, số máy E3X9E512218, tuy mang tên chủ xe là Phạm Đình S nhưng qua quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh được đây là tài sản thuộc sở hữu của bố mẹ bị cáo, do đó cần trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng.

[8]. Về án phí: Bị cáo Phạm Đình S là diện C nghèo, do đó miễn toàn bộ án phí hình sự cho bị cáo. Các Bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Đình H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Phạm Đình S, Nguyễn Đình H phạm tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn C: 05 (Năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ Ngy bị bắt tạm giữ, tạm giam 16/01/2019.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Đình S: 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ Ngy bị bắt tạm giữ, tạm giam 16/01/2019.

- Căn cứ vào điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H: 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ Ngy tuyên án sơ thẩm (23/10/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Đình H cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Tịch thu, (H giá) nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen đã qua sử dụng của Trần Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu ghi đã qua sử dụng của Phạm Đình S.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng: 01 xe máy Yamaha Sirius, màu đen xám, Biển kiểm soát 37M1-806.05, số khung 3240JY190068, số máy E3X9E512218, đã qua sử dụng.

(Đặc điểm, tình trạng như Biên bản giao, nhận vật chứng Ngy 21/8/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Nghệ An và Chi Cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Đình H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Đình S.

4. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 Ngy kể từ Ngy tuyên án sơ thẩm. Bị hại, Người đại diện hợp pháp cho bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 Ngy, kể từ Ngy nhận được bản án hoặc Ngy bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLVNQLQ;
- Chi cục THADS huyện N;
- Công an huyện N;
- TAND tỉnh Nghệ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại Tạm giam Công an Nghệ An;
- UBND xã N;
- Sơ Tư pháp tỉnh Nghệ An.
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

Nguyễn Huy Mạnh